

Bản án số: 29/2025/HNGĐ-PT

Ngày 10 - 9 - 2025

V/v Tranh chấp thay đổi
người trực tiếp nuôi con.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ CẦN THƠ

- *Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:*

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Tôn Thị Thanh Thúy.

Các Thẩm phán: Ông Trương Hoài Bình.

Ông Nguyễn Vĩnh Khương.

- *Thư ký phiên tòa:* Ông Kim Mộc Nam - Thư ký của Tòa án nhân thành phố Cần Thơ.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Cần Thơ tham gia phiên tòa:*
Bà Huỳnh Thị Mỹ Liên - Kiểm sát viên

Trong ngày 10 tháng 9 năm 2025 tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Cần Thơ, xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số 16/2025/TLPT-HNGĐ ngày 30 tháng 7 năm 2025 về việc “Tranh chấp thay đổi người trực tiếp nuôi con”.

Do bản án hôn nhân gia đình sơ thẩm số 78/2025/HNGĐ-ST, ngày 21 tháng 5 năm 2025 của Tòa án nhân dân huyện Kế Sách, tỉnh Sóc Trăng (nay là Tòa án nhân dân khu vực 10 – Cần Thơ), bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 535/2025/QĐ-PT ngày 04 tháng 8 năm 2025, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Bà **Nguyễn Thị Thu T**, sinh năm 1999. Địa chỉ: ấp Đ, xã T, huyện K, tỉnh Sóc Trăng (nay là xã T, thành phố Cần Thơ); CCCD: 094199002968, do cục Cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội cấp ngày 10/7/2022 (có mặt).

Người đại diện ủy quyền của nguyên đơn nhận, giao nộp, ký các văn bản tố tụng: Chị **Nguyễn Thị Tú T1**, sinh năm 1989. Địa chỉ: ấp A, thị trấn K, huyện K, tỉnh Sóc Trăng (nay là xã K, thành phố Cần Thơ) (có mặt).

- *Bị đơn:* Anh **Lê Anh Đ**, sinh năm 1992. Địa chỉ: ấp A, xã T, huyện K, tỉnh Sóc Trăng (nay là xã A, thành phố Cần Thơ); CMND: 365995538, do Công an tỉnh S cấp ngày 04/12/2017 (vắng mặt).

Người kháng cáo: nguyên đơn chị Nguyễn Thị Thu T.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Nguyên đơn bà Nguyễn Thị Thu T trình bày: Năm 2018 bà T và ông Đ tổ chức đám cưới và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện K, tỉnh Sóc Trăng. Trong thời gian chung sống vợ chồng có hai người con chung tên là Lê Phương N, sinh ngày 05/4/2019 và Lê Khôi N1, sinh ngày 26/6/2021. Đến ngày 12/9/2024, bà T và ông Đ ly hôn theo Quyết định công nhận thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các bên tham gia hòa giải tại Tòa án số 280/2024/QĐCNTTLH của Tòa án nhân dân huyện Kế Sách, tỉnh Sóc Trăng. Theo nội dung quyết định này thì bà T và ông Đ thống nhất thỏa thuận giao các cháu Lê Phương N, sinh ngày 05/4/2019 và Lê Khôi N1, sinh ngày 26/6/2021 cho ông Đ trực tiếp nuôi dưỡng, bà T không phải cấp dưỡng nuôi con. Tuy nhiên, bà T cho rằng từ ngày ly hôn đến nay thì ông Đ và gia đình ông Đ không cho bà T thăm nom con, rước con để bà trực tiếp chăm sóc. Nay bà T nhận thấy ông Đ không thật sự chăm sóc tốt cho hai con chung, làm ảnh hưởng đến sức khỏe của con và nhiều lần ngăn cản bà T gặp con làm ảnh hưởng đến tinh thần và quyền lợi của bà T nên bà yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng hai con chung Lê Phương N, sinh ngày 05/4/2019 và Lê Khôi N2, sinh ngày 26/6/2021 đến khi các con đủ 18 tuổi, không yêu cầu ông Lê Anh Đ cấp dưỡng.

Tại phiên tòa, bà T thay đổi yêu cầu khởi kiện, cụ thể bà đồng ý giao cháu Lê Phương N, sinh ngày 05/4/2019 cho ông Đ tiếp tục trực tiếp nuôi dưỡng, bà không cấp dưỡng nuôi con, bà T yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng cháu Lê Khôi N2, sinh ngày 26/6/2021 đến khi cháu N2 đủ 18 tuổi, không yêu cầu ông Lê Anh Đ cấp dưỡng.

Bị đơn ông Lê Anh Đ trình bày: Từ sau khi cưới nhau, ông và bà T sống tại nhà cha mẹ ruột của ông tại ấp A, xã T, huyện K, tỉnh Sóc Trăng, các con chung của ông bà cũng sống chung nhà cha mẹ ruột của ông cho đến nay. Khi ly hôn ông và bà T thỏa thuận giao các cháu Lê Phương N, sinh ngày 05/4/2019 và Lê Khôi N2, sinh ngày 26/6/2021 cho ông trực tiếp nuôi dưỡng đến khi các con đủ 18 tuổi. Sau khi ông, bà ly hôn bà T có đến tham các con, gia đình ông không ngăn cản. Tuy nhiên, do trước đây khi bà T đến thăm con hai bên có xảy ra tranh chấp, bà T ẵm giật cháu N2 nên các lần gần đây khi bà T đến thăm các cháu thì các cháu không dám ra gặp và không nhận quà do bà T mang đến. Ông và gia đình ông vẫn tạo điều kiện cho bà T đến thăm nom con. Ông không đồng ý giao các con cho bà T nuôi dưỡng vì ông có đủ điều kiện về kinh tế và thời gian để chăm sóc các con.

Tại bản án số 78/2025/HNGĐ-ST ngày 21/5/2025 của Tòa án nhân dân huyện Kế Sách, tỉnh Sóc Trăng (nay là Tòa án nhân dân khu vực 10 – Cần Thơ) đã quyết định như sau:

Áp dụng: Khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227, Điều 266 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; Điều 39 Bộ luật Dân sự năm 2015; Điều 82, Điều 83, 84 của Luật Hôn nhân và gia đình năm

2014; Điều 26 Luật Thi hành án dân sự; khoản 3 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, tuyên xử:

Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Nguyễn Thị Thu T về việc bà yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng cháu Lê Khôi N2, sinh ngày 26/6/2021 đến khi cháu N2 đủ 18 tuổi.

Ngoài ra, Tòa án cấp sơ thẩm còn quyết định về án phí, quyền kháng cáo của các đương sự theo quy định pháp luật.

Ngày 02/6/2025, bà Nguyễn Thị Thu T kháng cáo Bản án số 78/2025/HNGĐ-ST ngày 21/5/2025 của Tòa án nhân dân huyện Kế Sách, tỉnh Sóc Trăng (nay là Tòa án nhân dân khu vực 10 – Cần Thơ) yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm xem xét sửa bản án sơ thẩm theo hướng chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà theo thông báo thụ lý số 283/2024/TLST-HNGĐ ngày 23/10/2024 về việc thay đổi người nuôi con.

Tại phiên tòa phúc thẩm, nguyên đơn vẫn giữ nguyên nội dung đơn khởi kiện; bị đơn vắng mặt và các đương sự không thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án.

Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Cần Thơ tại phiên tòa phúc thẩm trình bày: Về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án ở cấp phúc thẩm là đúng theo quy định của pháp luật. Về việc giải quyết vụ án sau khi trình bày và đánh giá chứng cứ kiểm sát viên đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo. Giữ nguyên bản án sơ thẩm số 78/2025/HNGĐ-ST ngày 21/5/2025 của Tòa án nhân dân huyện Kế Sách, tỉnh Sóc Trăng (nay là Tòa án nhân dân khu vực 10 – Cần Thơ).

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, được thẩm tra các chứng cứ tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh tụng, ý kiến phát biểu đề nghị của Kiểm sát viên và những người tham gia tố tụng, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Người kháng cáo, nội dung và hình thức đơn kháng cáo, thời hạn kháng cáo nguyên đơn đã nộp trực tiếp đơn kháng cáo ngày 02/6/2025 cho Tòa án nhân dân huyện Kế Sách, tỉnh Sóc Trăng (nay là Tòa án nhân dân khu vực 10 – Cần Thơ) là đúng theo quy định tại các Điều 271, 272, 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, nên kháng cáo là hợp lệ và đúng quy định pháp luật. Hội đồng xét xử chấp nhận xem xét kháng cáo theo đúng quy định pháp luật.

[2] Xét kháng cáo của chị Nguyễn Thị Thu T yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm xem xét sửa bản án sơ thẩm theo hướng chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của chị theo thông báo thụ lý số 283/2024/TLST-HNGĐ ngày 23/10/2024 về việc thay đổi người nuôi con với lý do là anh Đ sau khi ly hôn đã ngăn cản không cho chị T thăm con. Xét thấy, theo quy định tại khoản 1, khoản 2 Điều 81 Luật Hôn nhân và gia đình có quy định sau khi ly hôn “*Vợ, chồng thỏa thuận về người trực tiếp nuôi*

con, trường hợp không thỏa thuận được thì Tòa án quyết định giao cho một bên trực tiếp nuôi con, việc giao con cho cha hay mẹ nuôi phải đảm bảo quyền lợi về mọi mặt của con về vật chất lẫn tinh thần. Về nguyên tắc, con dưới 36 tháng tuổi giao cho mẹ trực tiếp nuôi, trừ trường hợp người mẹ không đủ điều kiện để trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con hoặc cha mẹ có thỏa thuận khác phù hợp với lợi ích của con”. Do sau khi ly hôn thì chị T và anh Đ thống nhất thỏa thuận giao các cháu Lê Phương N, sinh ngày 05/4/2019 và Lê Khôi N2, sinh ngày 26/6/2021 cho ông Đ trực tiếp nuôi dưỡng, chị T không phải cấp dưỡng nuôi con. Nay chị T có yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con, theo khoản 2 Điều 84 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 quy định: “Việc thay đổi người trực tiếp nuôi con được giải quyết khi có một trong các căn cứ sau đây: a) Cha, mẹ có thỏa thuận về việc thay đổi người trực tiếp nuôi con phù hợp với lợi ích của con; b) Người trực tiếp nuôi con không còn đủ điều kiện trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.” Như vậy giữa chị T và anh Đ không có thỏa thuận về việc thay đổi người trực tiếp nuôi con, chị T cũng không chứng minh được anh Đ không còn đủ điều kiện trực tiếp nuôi con. Tại phiên tòa sơ thẩm chị T cũng thừa nhận anh Đ đủ điều kiện về mặt thời gian và kinh tế để trực tiếp nuôi dưỡng các con chung của chị và anh Đ, gia đình anh Đ vẫn cho chị T thăm nom con nhưng không cho chị rước đi do không có gì để đảm bảo sau khi rước các cháu thì chị T giao các cháu lại cho anh Đ tiếp tục nuôi dưỡng. Đồng thời, từ khi vợ chồng ly hôn đến nay các cháu sống cùng anh Đ, anh Đ luôn quan tâm chăm sóc các cháu, các cháu cũng được đi học, phát triển bình thường về thể chất và tinh thần. Vì vậy, Hội đồng xét xử sơ thẩm không chấp nhận yêu cầu của chị T là có căn cứ, đúng quy định pháp luật.

[3] Chị T kháng cáo yêu cầu được trực tiếp nuôi con nhưng không cung cấp được chứng cứ chứng minh anh Đ không còn đủ điều kiện trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con. Mà chỉ xem xét về cảm xúc của bản thân là không được đưa rước con, không quan tâm đến cảm xúc của các cháu có đồng ý với sự thay đổi môi trường, điều kiện sống của các cháu không; việc cha, mẹ ly hôn đã phần nào ảnh hưởng đến tâm lý của cá cháu, các cháu từ nhỏ và khi vợ chồng không còn sống chung thì các cháu sống với cha, các cháu đã thích nghi với cuộc sống không có mẹ ở bên cạnh nếu thay đổi sẽ một lần nữa ảnh hưởng đến tâm lý các cháu nên cần ổn định cho các cháu. Mặc dù, thấy rằng cả chị T và anh Đ đều có nguyện vọng được nuôi con và có điều kiện nuôi con nhưng khi vợ chồng ly hôn thì chị T đã thỏa thuận giao các con cho anh Đ nuôi dưỡng và hiện nay anh Đ không vi phạm nghĩa vụ nuôi con nên chị T khởi kiện yêu cầu thay đổi người nuôi con là không có căn cứ, Hội đồng xét xử không chấp nhận.

[4] Từ những phân tích trên thấy rằng kháng cáo kháng cáo của chị T là không có căn cứ, Hội đồng xét xử không chấp nhận.

[5] Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Cần Thơ đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo của nguyên đơn và áp dụng khoản 1 Điều 308 của Bộ luật tố tụng dân sự. Giữ nguyên bản án sơ thẩm số 78/2025/HNGĐ-ST ngày 21/5/2025 của Tòa án nhân dân huyện Kế Sách, tỉnh Sóc Trăng (nay là Tòa án nhân khu vực 10 - Cần Thơ) là có căn cứ Hội đồng xét xử chấp nhận.

[6] Về án phí: Do kháng cáo của nguyên đơn không được chấp nhận và bản án được giữ nguyên nên nguyên đơn phải chịu án phí phúc thẩm theo quy định tại khoản 2 Điều 148 của Bộ luật tố tụng dân sự và khoản 1 Điều 29 của Nghị quyết

326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

[7] Các phần khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị. Hội đồng xét xử không xem xét và có hiệu lực kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ khoản 1 Điều 308, khoản 2 Điều 148 và khoản 6 Điều 313 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; khoản 1 Điều 29 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Không chấp nhận kháng cáo của nguyên đơn Nguyễn Thị Thu T. Giữ nguyên bản án Hôn nhân gia đình sơ thẩm số 78/2025/HNGĐ-ST ngày 21/5/2025 của Tòa án nhân dân huyện Kế Sách, tỉnh Sóc Trăng (nay là Tòa án nhân dân khu vực 10 – Cần Thơ), như sau:

Áp dụng khoản 3 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227, Điều 266 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; Điều 39 Bộ luật Dân sự năm 2015; Điều 82, Điều 83, 84 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; Điều 26 Luật Thi hành án dân sự; khoản 3 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Thị Thu T về việc yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng cháu Lê Khôi N2, sinh ngày 26/6/2021 đến khi cháu N2 đủ 18 tuổi.

2. Về án phí: Chị Nguyễn Thị Thu T phải chịu án phí sơ thẩm không có giá ngạch là 300.000 (ba trăm nghìn) đồng, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 (ba trăm nghìn) đồng theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0007500 ngày 23/10/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Kế Sách, tỉnh Sóc Trăng (nay là Phòng Thi hành án dân sự khu vực 10 – Cần Thơ). Chị Nguyễn Thị Thu T đã nộp xong án phí sơ thẩm. Anh Lê Anh Đ không phải chịu án phí.

3. Án phí dân sự phúc thẩm: Chị Nguyễn Thị Thu T phải chịu 300.000 (ba trăm nghìn) đồng. Được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí phúc thẩm đã nộp 300.000 (ba trăm nghìn) đồng theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số **0002271 ngày 02/6/2025** của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Kế Sách, tỉnh Sóc Trăng (nay là Phòng Thi hành án dân sự khu vực 10 – Cần Thơ)

4. Bản án này có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

5. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự (sửa đổi, bổ sung năm 2014) thì người được thi hành án, người phải Thi hành án có quyền thỏa thuận Thi hành án, quyền yêu cầu Thi hành án, tự nguyện Thi hành án hoặc bị cưỡng chế Thi hành án theo quy định tại các

Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự (sửa đổi, bổ sung năm 2014), thời hiệu Thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự (sửa đổi, bổ sung năm 2014).

Nơi nhận:

- VKSND thành phố Cần Thơ;
- TAND Khu vực 10 – Cần Thơ;
- VKSND Khu vực 10 – Cần Thơ;
- Phòng THADS Khu vực 10 – Cần Thơ;
- Các đương sự;
- Lưu TDS, HSVA.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(đã ký)

Tôn Thị Thanh Thúy